

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 7 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Kim An;
- Ông Phạm Thế Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-TCDS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-TCDS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị T, chị M đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và chị Vũ Thị M là chị em họ hàng với nhau, chị M là chị họ của chị T. Tháng 5/2018, chị M hỏi vay chị 210.000.000đ để đóng tàu, đến tháng 9/2020 chị M vay tiếp 30.000.000đ để trả lãi ngân hàng. Từ tháng 5/2018, chị M nhiều lần vay vàng của chị từ vài chỉ đến cả cây vàng, khi số tiền và vàng vay nhiều nên chị lo lắng nên bảo chị M thống kê lại ra giấy và chị M ký xác nhận vay. Như vậy, chốt đến ngày 03/11/2020 (âm lịch) tổng cộng chị M vay của chị 210.000.000đ + 30.000.000đ = 240.000.000đ và số vàng là 53 chỉ (có 5 chỉ SJC). Cũng trong ngày 03/11/2020, chị

M mời chị chơi tiếp một hội phường có tổng 20 suất/20 tháng, mỗi suất là 15.000.000đ/tháng, ngày 03/11/2020 là ngày bắt đầu vào phường, chị tin tưởng nên tham gia. Khi chơi đến tháng thứ 7 (03/5/2021 âm lịch) chị có thông tin chị M dựng lên phường không có thật nên chị đã dừng lại và chốt lại số tiền phường với số tiền đã đưa là 7 tháng x 15.000.000đ = 105.000.000đ.

Khoảng tháng 12/2020 âm lịch chị M vay thêm của chị 01 chỉ vàng, như vậy tính đến tháng 12/2020 chị M nợ của chị cả gốc và lãi của tiền và vàng là 354.850.000đ và 54 chỉ vàng (có 5 chỉ SJC). Từ đó cho đến ngày 27/6/2022, chị M đã trả được cho chị số tiền là 216.000.000đ và 30 chỉ vàng 9999. Ngày 30/12/2021 chị M nhắn hỏi chị “chị còn nợ em 24 chỉ vàng với 254.850 nghìn đúng không”. Ngày 26/12/2023 (âm lịch) chị M đến nhà chị khát nợ tiếp sau đó cắt đứt mọi liên lạc với vợ chồng chị. Từ đó đến nay, chị M còn nợ gốc là 138.850.000đ và 24 chỉ vàng (có 5 chỉ SJC). Ngày 16/8/2021 chị có cầm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 617639 của chị M để làm tin và để chị M có trách nhiệm trả hết nợ gốc thì chị giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M. Số tiền chị M vay của chị, chồng chị M không biết và không liên quan gì. Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị M trả toàn bộ số nợ gốc là 138.850.000đ và 24 chỉ vàng (trong đó có 19 chỉ 9999 và 5 chỉ SJC), chị không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn, chị **Vũ Thị M**: Do không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho chị H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H không chấp hành.

Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã X xác định:

- Về gia đình phía bị đơn chị **Vũ Thị M**: Hiện nay chị M đang làm ăn ở xa và không có mặt tại địa phương; chị M vẫn thường xuyên đi về nhà, chị M làm ăn xa từ đầu năm 2024 đến nay, còn địa chỉ cụ thể như thế nào thì xã không được biết.

- Hiện nay, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đang thụ lý giải quyết vụ án trên và đã nhiều lần báo chị M lên làm việc nhưng chị M không đến. Việc chị M không đến, địa phương có tổng đạt giấy báo của Tòa án cho chị M rất nhiều lần chị M đều trốn tránh và không hợp tác nhận giấy báo của Tòa án.

- Nay chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị **Vũ Thị M** phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số nợ gốc là 138.850.000 đồng và 24 chỉ vàng 9999. Chị T không yêu cầu chị M phải trả lãi.

- Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã X về việc giải quyết vụ án nói trên là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc chị M phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền và vàng trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp

hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị **M** phải trả chị **T** số tiền gốc là 138.850.000 đồng và 24 chỉ vàng 9999. Chị **M** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Chị **M** vay tiền chị **T** đã có chữ ký xác nhận của chị **M** thể hiện trong giấy biên nhận mà chị **T** đã nộp cho Tòa án nội dung như sau: “ngày 03/11/2020 (âm lịch) chị **Vũ Thị M** (vợ anh **Nguyễn Văn G**) có vay của em **Nguyễn Thị T** 53 chỉ vàng 9999 hiệu **Kim Châu Xuân T1** (5 chỉ SJC) và tiền mặt 210.000.000đ = 30.000.000đ = 240.000.000đ” và có chữ ký nhận của chị **Vũ Thị M**, kèm theo đó là những hình ảnh, tin nhắn, dữ liệu điện tử, cùng USB ghi âm cuộc nói chuyện về việc chị **M** nhận nợ với chị **T**. Tính đến tháng 12/2020 chị **M** nợ của chị **T** cả gốc và lãi của tiền và vàng là 354.850.000đ và 54 chỉ vàng (có 5 chỉ SJC). Đến ngày 27/6/2022, chị **M** đã trả được cho chị **T** số tiền là 216.000.000đ và 30 chỉ vàng 9999. Trong tin nhắn ngày 30/12/2021, chị **M** nhắn tin hỏi chị **T** để xác nhận “chị còn nợ em 24 chỉ vàng với 254.850 nghìn đúng không”. Sau tin nhắn đó, chị **T** đã đòi nhiều lần nhưng chị **M** không trả và không còn liên lạc với chị **T** nữa. Đến nay, chị **M** còn nợ gốc là 138.850.000đ và 24 chỉ vàng (có 5 chỉ SJC) và ngày 16/8/2021 chị **M** có đưa cho chị **T** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BV 617639, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00363 do **UBND huyện X** cấp ngày 14/7/2015 mang tên anh **Nguyễn Văn G** và chị **Vũ Thị M** để làm tin và để chị **M** có trách nhiệm trả hết số nợ thì chị **T** sẽ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị **M**. Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị **M** trả toàn bộ số nợ gốc là 138.850.000đ và 24 chỉ vàng (trong đó có 19 chỉ 9999 và 5 chỉ SJC), chị **T** không yêu cầu tính lãi. Việc chị **M** không chấp hành giấy báo của Tòa án lên làm việc để đưa ra những tài liệu chứng cứ để chứng minh, do đó chị **M** vẫn phải trả số nợ gốc của khoản vay còn lại là 138.850.000đ và 24 chỉ vàng.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T** về việc kiện đòi nợ chị **M** là hợp pháp. Vì vậy cần buộc chị **M** phải thanh toán trả cho chị **T** số tiền nợ gốc là 138.850.000đ và 24 chỉ vàng (trong đó có 19 chỉ 9999 và 5 chỉ SJC) là phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** chỉ yêu cầu chị **M** trả số nợ gốc và không yêu cầu chị **M** phải trả lãi, việc không yêu cầu tính lãi của chị **T** là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị **T** được chấp nhận nên chị **M** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T** đối với chị **Vũ Thị Thị M**.

2. Buộc chị **Vũ Thị M** phải có trách nhiệm trả nợ chị **Nguyễn Thị T** số tiền nợ gốc là 138.850.000đ (một trăm ba tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và 24 (hai mươi tư) chỉ vàng (trong đó 19 chỉ 9999 và 5 chỉ SJC).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Chị **Nguyễn Thị T** có trách nhiệm bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BV 617639, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00363 do **UBND huyện X** cấp ngày 14/7/2015 mang tên anh **Nguyễn Văn G** và chị **Vũ Thị M** ngay sau khi chị **M** thanh toán hết số tiền và vàng cho chị **T**.

3. Về án phí: Buộc chị **Vũ Thị M** phải nộp 16.093.500đ (mười sáu triệu, không trăm chín ba nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị **Nguyễn Thị T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.300.000đ (mười một triệu, ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000093 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung